TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 20-07-2018
V/v tranh chấp hợp vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Nguyên.
2. Bà Phan Hoàng Mai.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPSGTT.

Địa chỉ trụ sở tại số: 266-268 đường NKKN, p8, q3, TPHCM

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCPSGTT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công K-Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG. Theo giấy ủy quyền số 139/2017/UQ-TTT, ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG. (Có mặt)

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: số 333 đường Trần Hưng Đ, pMQ, TPLX, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 32A2, đường TTT, p BK, TPLX, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 06 năm 2017, bổ sung ngày 24 tháng 10 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Huỳnh Công K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27 tháng 07 năm 2009, bà Trần Thị Q ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCPSGTT – Do TMCPSGTT – CNAG ký kết phê duyệt ngày 29 tháng 07 năm 2009, hạn mức tín dụng cấp cho bà Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, lãi suất trong hạn 2,15%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 3,225%/tháng. Kèm theo hợp đồng là bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Khi nhận cấp thẻ tín dụng, bà Q đã thực hiện các giao dịch đến nay với tổng số tiền 126.102.699đ. Trong đó, nợ vốn 55.959.638đ, nợ lãi 70.143.061đ.

Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15 tháng 03 năm 2015, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16 tháng 07 năm 2018 bà Q còn nợ số tiền 126.102.699đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q thanh toán số tiền nợ vốn, nợ lãi và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Tổng cộng là 126.102.699đ.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Q vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Ngân hàng không thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bà Q

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên:

Việc tuân theo pháp luật của pháp luật tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Về thủ tục tống đạt đúng quy định pháp luật và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thông qua xác minh sự có mặt của đương sự tại nơi cư trú đối với bị đơn theo khoản 2 điều 21, điểm h khoản 2, điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71 và điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn. Đối với bị đơn bà Q không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vu quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết nội dung vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay tín dụng tính đến ngày 16 tháng 07 năm 2018 với số tiền 126.102.699đ, nợ vốn 55.959.638đ, nợ lãi quá hạn 70.143.061đ, và tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay. Bà Quí vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa xét thấy ngày 27 tháng 07 năm 2009 Ngân hàng và bà Q có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với số tiền 50.000.000đ. Bà Q sử dụng các giao dịch rút tiền và thanh toán định kỳ đến ngày 15 tháng 03 năm 2015 thì ngưng không thanh toán số tiền vốn, lãi cho Ngân hàng. Nên đến ngày 16 tháng 03 năm 2015 ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ của bà Q để thu hồi nợ nhưng bà Q không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q có nghĩa vụ trả số tiền 126.102.699đ, tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ xem xét chấp nhận.

Đề nghị áp dụng điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bà Q có trách nhiệm trả vốn, lãi cho Ngân hàng 126.102.699đ, tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Q không đến Tòa và vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Quí .

[2] Ngân hàng ủy quyền cho ông Huỳnh Công K theo giấy ủy quyền số 139/2017/UQ-TTT, ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG. Việc ủy quyền phù hợp quy định tại điều 581 và điều 582 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT - Do Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG, tranh chấp về số tiền theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Xét, tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động vay tiêu dùng. Bị đơn có nơi cư trú tại số 32A2, đường TTT, phường BK, thành phố LX, tỉnh AGđã được thể hiện theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Hiện nay, bà Q đã bỏ nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện biết. Điều này xác định là bà Q cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét xử vắng mặt bà Q và vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, kèm theo bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCPSGTT có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2009, thấy: Bà Trần Thị Q là người ký tên vay với tư cách là chủ thẻ chính bên vay tiền của Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG. Số tiền bà Q được Ngân hàng phê duyệt hạn mức tín dụng là 50 triệu đồng. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng. Bà Q đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50 triệu đồng nhưng bà Q không trả tiền vốn, lãi theo thỏa thuận là vi phạm Điều 2, Điều 23 của bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCPSGTT. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Q trả nợ vốn, lãi là có cơ sở chấp nhận.

[6] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa, bà Q nợ tiền vốn 55.959.638đ, nợ lãi quá hạn 70.143.061đ; tổng vốn lãi 126.102.699đ. Về mức lãi suất thể hiên theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 07 năm 2011 của Ngân hàng về thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thay đổi lãi suất theo từng thời kỳ. Vậy, tổng đến ngày xét xử, tiền lãi trong hạn, quá hạn bà Q còn phải trả 70.143.061đ là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn bà Trần Thị Q phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 581, Điều 582 của Bộ luật dân sự 2005;

Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPSGTT tín đối với bà Trần Thị Q.

Buộc bà Trần Thị Q thanh toán cho Ngân hàng TMCPSGTT - Do Ngân hàng TMCPSGTT - CNAG đại diện nhận số tiền 126.102.699đ (một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, tiền vốn: 55.959.638đ (năm mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng, tiền lãi phải trả 70.143.061đ (bảy mươi triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi mốt đồng), (tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 16 tháng 07 năm 2018).

Kể từ ngày 17 tháng 07 năm 2018, bà Trần Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm: Trả lại cho Ngân hàng TMCPSGTT - Do Ngân hàng TMCPSGTT – CNAG đại diện nhận số tiền 2.456.000đ (hai triệu, bốn trăm, năm mươi sáu ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018737 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Q phải chịu 6.302.127đ, làm tròn 6.302.000đ (sáu triệu, ba trăm lẻ hai ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCPSGTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà Trần Thị Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Tp.Long Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Phương